TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2020/DS-ST
Ngày 04 – 03 - 2020
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Lệ Siêng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Công Hạnh và bà Đào Thị Ngâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Vân – Thư ký TAND thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 03 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 210/2019/TLST- DS ngày 16 tháng 12 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần K; Địa chỉ: Đường T, thị xã R, tỉnh Kiên Giang; Đại diện theo pháp luật: Trần Tuấn A – chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần K, ủy quyền ông Nguyễn Nhất T1 – chức vụ: Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần K - chi nhánh Phú Yên (theo Quyết định ủy quyền số 2872/QĐ-NHKL ngày 08/8/2018); Địa chỉ chi nhánh: Đường T2, phường 4, thành phố T3, tỉnh Phú Yên. Ông T1 ủy quyền lại cho ông Trần Kim T4, sinh năm 1992 – chức vụ: Phó Phòng khách hàng cá nhân (theo văn bản ủy quyền số 891/QĐ-CNPY ngày 26/12/2019). Có mặt

2. Bị đơn: Bà Đỗ Thị Thúy N - sinh năm 1984, ông Ngô Quang M – sinh năm 1980;

Địa chỉ: Đường B, Phường 4, thành phố T3, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05/11/2019 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đại diện nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần K trình bày:

Vào ngày 29/11/2018, bà Đỗ Thị Thúy N và ông Ngô Quang M vay của Ngân hàng thương mại cổ phần K, chi nhánh Phú Yên 02 hợp đồng tín dụng:

- Hợp đồng số A665834/HĐTD-CC số tiền 18.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay 180 ngày, mức trả nợ hàng ngày gốc và lãi đều 107.358 đồng, riêng ngày cuối cùng 109.158 đồng, thời gian trả nợ từ ngày 29/11/2018 đến ngày 28/5/2019, lãi suất cho vay 14,94%/năm, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Tài sản bảo đảm là cầm cố xe máy nhãn hiệu AYM ATILA-VUD ELIZABETH có số khung: 11DDDD015656, số máy: MVUADD015656, biển kiểm soát 78C1 – 186.82 đứng tên Đỗ Thị Thúy N. Cùng ngày Ngân hàng đã gửi tài sản cầm cố cho bà N và ông M theo biên bản thỏa thuận gửi, giữ tài sản.

- Hợp đồng tín dụng số A665847/HĐTD-CC (vay tín chấp): số tiền vay 2.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay 180 ngày, mức trả nợ hàng ngày gốc và lãi đều 11.929 đồng, riêng ngày cuối cùng 12.129 đồng, thời gian trả nợ từ ngày 30/11/2018 đến ngày 28/5/2019, lãi suất cho vay 14,94%/năm, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà N, ông M đã thực hiện việc trả nợ gốc và lãi được 140 kỳ (140 ngày) cụ thể từ ngày 30/11/2018 đến hết ngày 18/4/2019. Kể từ kỳ thứ 141 tức là từ ngày 19/4/2019 đến kỳ thứ 180 là ngày 28/5/2019 bà N, ông M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại các hợp đồng đã ký kết nên từ ngày 19/4/2019 khoản vay bắt đầu chuyển sang nợ quá hạn và tính lãi quá hạn theo từng kỳ chậm trả. Đến ngày 26/11/2019, bà N, ông M còn nợ Ngân hàng 5.333.902 đồng, trong đó nợ gốc 4.446.000 đồng và lãi trong hạn 327.480 đồng, lãi quá hạn 560.422 đồng. Để đảm bảo quyền lợi Ngân hàng đề nghị Tòa giải quyết buộc bà N, ông M trả dứt điểm số nợ 5.333.902 đồng và kể từ ngày 26/11/2019 phải tiếp tục trả tiền lãi nợ quá hạn phát sinh theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết cho Ngân hàng dứt điểm một lần.

Hiện tại tài sản cầm cố là xe máy nhãn hiệu AYM ATILA-VUD ELIZABETH có số khung: 11DDDD015656, số máy: MVUADD015656, biển kiểm soát 78C1 – 186.82 đứng tên Đỗ Thị Thúy N không rõ ở đâu nên Ngân hàng không yêu cầu phát mãi tài sản cầm cố.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Đỗ Thị Thúy N, ông Ngô Quang M nhưng bà N, ông M không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa: Đại diện Ngân hàng thương mại cổ phần K yêu cầu bà Đỗ Thị Thúy N, ông Ngô Quang M phải trả tổng cộng 5.596.468 đồng (trong đó nợ gốc 4.446.000 đồng, lãi trong hạn 327.480 đồng, lãi quá hạn 822.988 đồng) và lãi phát sinh từ ngày 05/3/2020 theo các hợp đồng tín dụng, không yêu cầu phát mãi tài sản cầm cố.

Bị đơn bà Đỗ Thị Thúy N, ông Ngô Quang M vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý, thu thập chứng cứ từ khi thụ lý đến khi xét xử tuân thủ đúng theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng khi tiến hành xét xử tại phiên tòa. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên phải chịu hậu quả pháp lý.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Đỗ Thị Thúy N, ông Ngô Quang M phải trả 5.596.468 đồng (trong đó nợ gốc 4.446.000 đồng và lãi trong hạn 327.480 đồng, lãi quá hạn 822.988 đồng) và lãi phát sinh từ ngày 05/3/2020 theo các hợp đồng tín dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần K khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Đỗ Thị Thúy N, ông Ngô Quang M thanh toán số tiền gốc và lãi theo các Hợp đồng tín dụng vay vì mục đích tiêu dùng, bị đơn có nơi cư trú tại 42 Bến Xe, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên nên xác định đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Tuy Hoà theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

[1.2] Bị đơn bà Đỗ Thị Thúy N, ông Ngô Quang M được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 29/11/2018 bà N, ông M xác lập Hợp đồng tín dụng số A665834/HĐTD-CC và Hợp đồng tín dụng số A665847/HĐTD-CC với Ngân hàng thương mại cổ phần K vay số tiền 20.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay 180 ngày, lãi suất cho

vay 14,94%/năm, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Tài sản bảo đảm là cầm cố xe máy nhãn hiệu SYM ATILA-VUD ELIZABETH có số khung: 11DDDD015656, số máy: MVUADD015656, biển kiểm soát 78C1 – 186.82 đứng tên Đỗ Thị Thúy N. Cùng ngày Ngân hàng đã gửi tài sản cầm cố cho bà N, ông M theo biên bản thỏa thuận gửi, giữ tài sản. Hợp đồng tín dụng số A665834/HĐTD-CC và Hợp đồng tín dụng số A665847/HĐTD-CC giữa Ngân hàng và bà N, ông M thể hiện ý chí thỏa thuận tự nguyện của hai bên, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực bắt buộc các bên phải tôn trọng thực hiện.

[2.1] Đến ngày 28/5/2019, thời hạn vay đã hết nhưng bà N, ông M chỉ trả được 140 kỳ (140 ngày), số tiền 16.700.180 đồng (trong đó 15.554.000 đồng tiền gốc và 1.146.180 đồng tiền lãi). Trong quá trình giải quyết vụ án, bà N, ông M vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án hoặc văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện và chứng cứ do Ngân hàng đưa ra.

Do bà N, ông M vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà N, ông M thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ theo các hợp đồng tín dụng tính đến hết ngày 04/3/2020, là 5.596.468 đồng (trong đó nợ gốc 4.446.000 đồng và lãi trong hạn 327.480 đồng, lãi quá hạn 822.988 đồng) và khoản tiền lãi phát sinh theo quy định của các Hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 05/3/2020 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Đối với tài sản cầm cố xe máy nhãn hiệu SYM ATILA-VUD ELIZABETH có số khung: 11DDDD015656, số máy: MVUADD015656, biển kiểm soát 78C1 – 186.82 đứng tên Đỗ Thị Thúy N hiện tại không rõ ở đâu nên Ngân hàng không yêu cầu phát mãi tài sản cầm cố nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần K.

Buộc bà Đỗ Thị Thúy N, ông Ngô Quang M phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần K số tiền: 5.596.468 đồng (Năm triệu năm trăm chín mươi sáu ngàn bốn trăm sáu mươi tám đồng), trong đó nợ gốc 4.446.000 đồng, nợ lãi 1.150.468 đồng (lãi trong hạn 327.480 đồng, lãi quá hạn 822.988 đồng) về khoản vay tài sản.

Kể từ ngày 05 tháng 3 năm 2020 cho đến khi thi hành xong bà Đỗ Thị Thúy N, ông Ngô Quang M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất tại các Hợp đồng tín dụng số A665834/HĐTD-CC, Hợp đồng tín dụng số A665847/HĐTD-CC ngày 29/11/2018 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành.

2. Về án phí:

- Bị đơn bà Đỗ Thị Thúy N, ông Ngô Quang M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần K 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001025 ngày 12/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hòa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Phan Thị Lệ Siêng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hòa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Lệ Siêng